

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : L0173001 - Kết cấu công trình
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần Huy	Du	3710104001	09/09/1991		6,00	6,00	
2	Mai Tấn	Lâm	3710104002	22/06/1991		8,00	8,00	
3	Trần Minh	Khương	3710104003	22/09/1992		7,00	7,00	
4	Dương Đỗ Thành	Thịnh	3710104004	10/02/1991		5,00	5,00	
5	Nguyễn Thái	Bình	3710104005	16/03/1992		3,00	3,00	
6	Dương Minh	Trí	3710104006	15/02/1992		4,00	4,00	
7	Lê Văn	Sen	3710104010	10/01/1992		1,00	1,00	
8	Huỳnh Thanh	Luân	3710104016	23/09/1990		,00	,00	
9	Trần Minh	Thắng	3710104017	20/10/1991		,00	,00	
10	Nguyễn Hồng	Long	3710104018	20/06/1992		6,00	6,00	
11	Nguyễn Minh	Dũng	3710104019	07/08/1992		9,00	9,00	
12	Đồng Anh	Khoa	3710104020	17/05/1990		8,00	8,00	
13	Nguyễn Thành	Huân	3710104024	16/08/1991		3,00	3,00	
14	Nguyễn Thị	An	3710104033	07/09/1991		8,00	8,00	
15	Võ Văn	Ân	3710104035	20/03/1991		3,00	3,00	
16	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	3710104036	10/09/1991		8,00	8,00	
17	Bùi Khắc	Hùng	3710104039	16/07/1991		3,00	3,00	
18	Nguyễn Viết	Tùng	3710104040	10/05/1991		9,00	9,00	
19	Ngô Đức	Huân	3710104041	28/03/1990		7,00	7,00	
20	Phan Tiến	Châu	3710104042	14/08/1990		8,00	8,00	
21	Lê Duy	Tài	3710104043	04/08/1991		6,00	6,00	
22	Nguyễn Văn	Thủy	3710104049	07/03/1991		7,00	7,00	
23	Trần Văn	Kiên	3710104050	05/10/1992		6,00	6,00	
24	Nguyễn Quốc	Trường	3710104051	10/10/1990		2,00	2,00	
25	Nguyễn Quốc	Đạt	3710104056	06/06/1992		8,00	8,00	
26	Tổng Hữu	Nghĩa	3710104058	30/10/1990		9,00	9,00	
27	Trần Phước	Vinh	3710104064	18/03/1988		6,00	6,00	
28	Hồ Sỹ	Chiến	3710104065	27/12/1985		6,00	6,00	
29	Phan Tấn	Hiệp	3710104068	14/01/1991		6,00	6,00	
30	Nguyễn Anh	Chân	3710104071	22/04/1988		8,00	8,00	
31	Trần Bình	Tuy	3710104072	07/07/1976		5,00	5,00	
32	Lê Hữu	Nam	3710104073	12/06/1990		5,00	5,00	
33	Trần Văn	Va	3710104075	10/09/1991		8,00	8,00	
34	Hồ Xuân	Tường	3710104085	19/07/1989		7,00	7,00	
35	Trần Công	Phong	3710104086	17/12/1990		6,00	6,00	

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đỗ Hồng Tú	3710104088	02/10/1986		6,00	6,00	
37	Nguyễn Văn Thành	3710104091	27/01/1989		2,00	2,00	
38	Lý Văn Phương	3710104092	14/04/1989		2,00	2,00	
39	Nguyễn Quang Vũ	3710104093	12/09/1987		,00	,00	
40	Bùi Đình Cường	3710104102	04/09/1991		5,00	5,00	
41	Nguyễn Thành Tân	3710104107	09/01/1991		2,00	2,00	
42	Nguyễn Hữu Lộc	3710104108	04/10/1992		5,00	5,00	
43	Nguyễn Ngọc Hiếu	3710104111	25/07/1992		7,00	7,00	
44	Lê Quang Thao	3710104113	10/01/1990		3,00	3,00	
45	Trương Văn Danh	3710104116	20/10/1988		5,00	5,00	
46	Tô Kỳ Mô	3710104119	12/12/1992		8,00	8,00	
47	Ngô Đình Quân	3710104121	26/10/1992		3,00	3,00	
48	Huỳnh Công Phước	3710104122	30/11/1990		6,00	6,00	
49	Trần Quang Thái	3710104127	24/06/1990		2,00	2,00	
50	Nguyễn Thanh Thuần	3710104128	02/09/1991		6,00	6,00	
51	Lê Xuân Giáp	3710104133	04/07/1985		5,00	5,00	
52	Nguyễn Đức Minh Tuấn	3710104134	07/06/1992		6,00	6,00	
53	Dương Ngọc Sơn	3710104142	30/01/1991		5,00	5,00	
54	Nguyễn Tăng Nhiệm	3710104143	12/04/1988		3,00	3,00	
55	Huỳnh Công Hậu	3710104145	17/04/1989		3,00	3,00	
56	Nguyễn Phước Hậu	3710104149	18/08/1987		6,00	6,00	
57	Nguyễn Danh	3710104150	16/06/1990		2,00	2,00	
58	Lê Xuân Hòa	3710104151	09/06/1990		,00	,00	
59	Nguyễn Thanh Tài	3710104158	02/01/1992		8,00	8,00	
60	Nguyễn Cao Cường	3710104160	10/05/1990		,00	,00	
61	Nguyễn Thành Long	3710104170	29/02/1988		4,00	4,00	
62	Lê Văn Hên	3710104172	00/00/1991		,00	,00	
63	Bồ Xuân Thành	3710104173	16/11/1989		,00	,00	
64	Nguyễn Tú Tiến	3710104178	17/07/1988		,00	,00	
65	Nguyễn Văn Hào	3710104179	20/08/1992		3,00	3,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)